

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
(Gói thầu mua sắm hàng hóa)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự toán: _____ [Ghi tên dự toán]

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu “[Ghi tên gói thầu]” ngày xx tháng xx năm 20xx giữa Trường Đại học Cần Thơ và [Ghi tên nhà thầu];
- Căn cứ Quyết định số xxxx/QĐ-ĐHCT ngày xx tháng xx năm 20xx của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu/kết quả chỉ định thầu gói thầu [ghi như nội dung quyết định].

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: 371.0.1055506.00000/3714.0.1055506.00000/...

Tại: Kho Bạc nhà nước Cần Thơ

Mã số thuế: 1800424257.

Đại diện là ông/bà: [Họ và tên Trưởng đơn vị].

Chức vụ: Trưởng [Đơn vị].

(Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-ĐHCT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành văn bản Hiệu trưởng ủy quyền cho các Phó Hiệu trưởng ký thay, thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường ký thừa lệnh và ký thừa ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)
hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết như sau :

Đơn vị tính: đồng.

STT	Tên hàng hóa và tính năng kỹ thuật	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính	Bộ	1	xx.xxx	xx.xxx
2	Máy in	Cái	1	xx.xxx	xx.xxx
...				
Tổng cộng					xx.xxx.xxx

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục nếu có);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: xx.000.000 đồng (Bằng chữ: xxxxxxxxx đồng). Giá trên bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và chi phí bảo hành tại Trường Đại học Cần Thơ.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá hợp đồng với số tiền: xx.000.000 đồng (Bằng chữ: xxxxxxxxx đồng) sau khi: (i) Hai bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa; (ii) Bên B cung cấp chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành; (iii) Hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định [*Cần cứ tính chất*

và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán: 01 lần [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [Ghi theo Quyết định phê duyệt].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: các tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, bản tiến độ bàn giao.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên B thực hiện việc vận chuyển hàng hoá, bàn giao và lắp đặt tại Trường Đại học Cần Thơ (Khu 2, đường 3 tháng 2, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ).

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: tại thời điểm bàn giao hàng hóa. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

- Bên B có trách nhiệm bảo hành toàn bộ hàng hóa trong thời gian 06/12/24 tháng kể từ ngày nghiệm thu.

- Trong trường hợp sản phẩm bị lỗi do bên A sử dụng không đúng quy trình kỹ thuật thì bên B không có trách nhiệm bảo hành.

Điều 14. Phạt hợp đồng

- Nếu Bên A không thực hiện thanh toán cho Bên B theo nội dung của hợp đồng này thì sẽ phạt 0,05% mỗi ngày trên giá hợp đồng do trễ hạn. Tổng số tiền phạt không quá 8% tổng giá hợp đồng.

- Nếu Bên B hoàn thành khối lượng công việc chậm so với tiến độ quy định của hợp đồng thì sẽ bị phạt 0,05% trị giá hợp đồng trên mỗi ngày chậm trễ. Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% trên giá hợp đồng, ngoại trừ các trường hợp sau:

+ Việc chậm trễ xảy ra do lỗi của Bên A và hoặc nhân viên của Bên A

+ Việc chậm trễ xảy ra do trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: chiến tranh, đình công, bạo loạn, cháy nổ, thiên tai và các thảm họa thiên nhiên khác.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án để giải quyết các tranh chấp và án phí ban đầu do bên nguyên chịu, không phụ thuộc vào quyết định của Tòa án.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, chủ đầu tư giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
TUQ. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG [ĐƠN VỊ]

ĐẠI DIỆN BÊN B
[TÊN NHÀ THẦU]
[CHỨC VỤ]

XXXXXXXXXXXX

XXXXXXXXXXXX